

- bone density in patient with adrenal insufficiency. *Endocrine Abstracts*. 2011, 25.
- Phạm Thị Uyên.** Khảo sát mật độ xương và một số yếu tố liên quan với loãng xương tại Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông. *Tạp chí Y học Việt Nam* 2024. 534(1), tr. 152-156.
  - Bộ Y tế.** Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội tiết - chuyển hóa. Quyết định số 3879/QĐ-BYT ngày 30 tháng 09 năm 2014, tr. 147-153.
  - Lại Thùy Dương.** Nghiên cứu thực trạng loãng xương ở phụ nữ sau mãn kinh đến khám tại khoa khám bệnh theo yêu cầu Bệnh viện Bạch Mai. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023, 530(1), tr. 199-204.
  - Trần Hồng Thụy.** Khảo sát tình hình chẩn đoán và điều trị loãng xương ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính cao tuổi. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024, 534(1), tr. 309-313.
  - Hoàng Thị Bích.** Một số yếu tố liên quan đến mật độ xương ở người bệnh cao tuổi tại Bệnh viện lão khoa Trung ương. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2021, 507(1), tr. 288-292.
  - Lê Thị Hằng.** Loãng xương nguyên phát ở phụ nữ sau mãn kinh. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022. 520(1A), tr. 227-231.
  - Cao Thanh Ngọc.** Tỷ lệ chẩn đoán loãng xương ở người cao tuổi gây xương đốt sống mới chẩn đoán và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 526(1), tr. 77-81.

## KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH PHÒNG NGỪA TẾ NGÃ CỦA ĐIỀU DƯỠNG TRÊN NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI

Thân Thị Quỳnh Như<sup>1,2</sup>, Bùi Hồng Thiên Khanh<sup>1,2</sup>, Trần Ngọc Thanh Trúc<sup>2</sup>, Nguyễn Ngọc Phương Thu<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Huyền<sup>2</sup>, Đoàn Văn Ánh<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỉ lệ điều dưỡng có kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã trên người bệnh cao tuổi đồng thời xác định các mối liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 185 điều dưỡng tại bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh từ 11/2023 đến 06/2024, thỏa các tiêu chí chọn mẫu và đồng ý tham gia nghiên cứu. **Kết quả:** Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 31,26±4,60 tuổi, đa số là nữ (98,4%), độ tuổi từ 31-40 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (60,5%), đa số có trình độ đại học (93%). Tỉ lệ điều dưỡng có kiến thức đạt là 98,7% và thực hành đạt 88,1%. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu cập nhật kiến thức có mối liên quan đến kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã. Kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã có mối tương quan thuận. **Kết luận:** Tỉ lệ kiến thức và thực hành chung phòng ngừa té ngã đạt mức cao. Tỉ lệ thực hành đánh giá nguy cơ té ngã (98,4%) cao hơn so với tỉ lệ can thiệp phòng ngừa té ngã (87,6%). **Từ khóa:** Kiến thức, thực hành, phòng ngừa té ngã

### SUMMARY

#### KNOWLEDGE AND PRACTICE OF NURSES ON FALL RISK ASSESSMENT IN ELDERLY PATIENTS

**Objectives:** Determine the proportion of nurses with knowledge and practice of preventing falls in elderly patients and determine related factors. **Methods:** Cross-sectional descriptive study on 185

nurses at University Medical Center Ho Chi Minh City from November 2023 to June 2024, meets the sampling criteria and agrees to participate in the study. **Results:** The average age of the study subjects was 31.26±4.60 years old, the majority were female (98.4%), the age group from 31-40 years accounts for the highest percentage (60.5%), most of them had a university degree (93%). The rate of nurses with knowledge is 98.7% and practice is 88.1%. Research results show that the need to update knowledge was related to knowledge and practice of falls prevention. Knowledge and practice of preventing falls had a positive correlation. **Conclusions:** The rate of knowledge and general practice of preventing falls is high. The rate of practicing fall risk assessment (98.4%) is higher than the rate of fall prevention intervention (87.6%).

**Keywords:** Knowledge, practice, fall prevention.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đánh giá nguy cơ té ngã và các biện pháp phòng ngừa đã được đề xuất từ những năm cuối thập niên 1980 do té ngã dẫn đến hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Tuy nhiên thực tế vẫn ghi nhận các trường hợp té ngã ở người bệnh nội trú. Năm 2017 215 người bệnh bị ngã ở một bệnh viện lớn miền nam Brazil.<sup>1</sup> Số liệu từ phòng Quản lý chất lượng bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, năm 2023 có 12 trường hợp người bệnh té ngã. Đặt ra câu hỏi vì sao đã có các công cụ đánh giá té ngã, có hướng dẫn phòng tránh té ngã nhưng té ngã vẫn xảy ra?

Té ngã ở người cao tuổi đặc biệt nghiêm trọng hơn nữa do để lại hậu quả nặng nề cho bệnh nhân, gia đình và hệ thống y tế. Theo thống kê của Hội đồng lão khoa Hoa Kỳ (NCOA) khoảng một phần ba ở người lớn hơn hoặc bằng 65 tuổi bị té ngã mỗi năm, tỉ lệ này tăng lên một

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Bùi Hồng Thiên Khanh

Email: khanh.bht@umc.edu.vn

Ngày nhận bài: 2.8.2024

Ngày phản biện khoa học: 9.9.2024

Ngày duyệt bài: 4.10.2024

nửa ở người từ 80 tuổi trở lên.<sup>2</sup> Tại Việt Nam, hàng năm cứ 5 người cao tuổi thì có 1 người té ngã, 8,5% người cao tuổi ngã nhiều hơn 2 lần trong 1 năm.<sup>3</sup> Do đó, việc đánh giá nguy cơ té ngã và phòng ngừa té ngã ở người cao tuổi là một trong các vấn đề ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe toàn diện ở người cao tuổi.

Điều dưỡng có tổng thời gian chăm sóc người bệnh cao hơn so với các đối tượng khác và là những người trực tiếp đánh giá nguy cơ té ngã cho người bệnh. Một số nghiên cứu trên thế giới đã báo cáo kết quả tỉ lệ kiến thức tốt về phòng ngừa ngã còn thấp ở mức 26,1% và tỉ lệ thực hành tốt cũng thấp chỉ ở mức 24%.<sup>4</sup> Một số nghiên cứu ở Việt Nam đã thực hiện để khảo sát kiến thức và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa ngã trên người bệnh nội trú. Các nghiên cứu này báo cáo rằng tỉ lệ điều dưỡng có kiến thức tốt khoảng 40% và tỉ lệ điều dưỡng đạt thực hành từ 17,1 - 22,6%.<sup>5</sup>

Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh là bệnh viện đa khoa hạng I trực thuộc Bộ Y Tế với mục tiêu đặt an toàn người bệnh lên hàng đầu. Tình hình thực tế điều dưỡng tại bệnh viện Đại học Y Dược có kiến thức, thực hành đánh giá nguy cơ té ngã và phòng ngừa té ngã cho người bệnh cao tuổi hiện nay như thế nào? Liệu có những yếu tố nào liên quan đến kiến thức, thực hành về phòng ngừa té ngã của điều dưỡng? Với mong muốn đó chúng tôi thực hiện nghiên cứu "Kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã của điều dưỡng trên người bệnh cao tuổi tại bệnh viện Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh".

**Mục tiêu nghiên cứu:** *Xác định tỉ lệ điều dưỡng có kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã trên người bệnh cao tuổi tại bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Đối tượng nghiên cứu.** Điều dưỡng các khoa lâm sàng tại bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

**Tiêu chuẩn chọn vào.** Điều dưỡng trực tiếp chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng tại bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và đồng ý tham gia nghiên cứu.

**Tiêu chuẩn loại ra.** Điều dưỡng không có mặt trong thời gian nghiên cứu, điều dưỡng làm công việc hành chính hoặc thâm niên dưới 1 năm.

**Thời gian và địa điểm nghiên cứu.** Từ 11/2023 đến 6/2024, trên 185 điều dưỡng tại các khoa lâm sàng bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

**Thiết kế nghiên cứu.** Nghiên cứu cắt ngang mô tả

**Cỡ mẫu.** Áp dụng công thức ước lượng một tỉ lệ:

$$n = \frac{\left( Z_{1-\frac{\alpha}{2}} \right)^2 \cdot p \cdot (1-p)}{d^2}$$

n: cỡ mẫu tối thiểu;  $\alpha$ : Mức ý nghĩa thống kê; với  $\alpha = 0,05$  thì hệ số  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$

p: Tỉ lệ điều dưỡng thực hành phòng ngừa té ngã ở mức đạt, dựa theo nghiên cứu của Thái Thị Thanh Huyền (2020) tại bệnh viện Hữu Nghị  $p = 0,63$ .<sup>6</sup> d: Sai số mong đợi, chọn  $d = 0,07$

Từ công thức trên cho kết quả  $n = 183$ , ước lượng mất mẫu 10% và số lượng điều dưỡng thực tế tham gia nghiên cứu là 185

Cách chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện

### Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu gồm 2 phần:

Phần 1: Các gồm các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu học (9 câu) và bộ câu hỏi Đánh giá kiến thức té ngã dành cho nhân viên y tế (Fall Knowledge Test – 2E) của Tổ chức Nghiên cứu Y Tế và Chất Lượng của Mỹ (AHRQ) (13 câu). Bộ câu hỏi được thiết kế mở với nhiều hơn một phương án trả lời đúng. Tổng cộng 33 ý trả lời đúng tương đương 33 điểm. Trả lời đúng 1 ý đạt 1 điểm và được chia thành 2 mức độ đạt:  $\geq 17$  điểm; chưa đạt:  $< 17$  điểm.

Phần 2: gồm 15 câu về thực hành phòng ngừa té ngã của điều dưỡng. Được xây dựng dựa vào thang đánh giá nguy cơ té ngã Morse và Quy định phòng ngừa té ngã đối với người bệnh nội trú của bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (dựa vào Thông tư số 43/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và bộ công cụ 3H là bộ công cụ để xác định các yếu tố nguy cơ té ngã theo thang MORSE). Mỗi hoạt động được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức. Chia thành thành 2 mức độ "đạt" và "chưa đạt" dựa trên số điểm trung bình, mức đạt:  $\geq 4$  điểm; chưa đạt:  $\leq 3$  điểm

Sau khi được đồng ý cho phép sử dụng bộ câu hỏi, nghiên cứu tiến hành đánh giá tính giá trị của bộ câu hỏi theo quy trình CVI bởi 06 chuyên gia ở các khía cạnh phù hợp; rõ ràng; dễ hiểu và có thể áp dụng với chỉ số SCVI/Ave=0,8. Sau đó, nghiên cứu khảo sát thử trên 30 điều dưỡng thỏa các tiêu chí chọn mẫu và tính được độ tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả này tương tự các nghiên cứu trước đây do đó có thể sử dụng để nghiên cứu chính thức (Bảng 1).

**Bảng 1. Hệ số độ tin cậy của bộ câu hỏi (n=30)**

Nội dung	Hệ số Cronbach
----------	----------------

	's Alpha
Kiến thức phòng ngừa té ngã	0,84
Thực hành phòng ngừa té ngã	0,87

Các nghiên cứu viên tiến hành thu thập số liệu phần kiến thức bằng cách gửi bộ câu hỏi đến từng đối tượng nghiên cứu. Phần thực hành các nghiên cứu viên tiến hành quan sát trực tiếp kết hợp với việc kiểm tra đánh giá nguy cơ té ngã trong hồ sơ bệnh án điện tử để cho điểm. Mỗi điều dưỡng có 2 cơ hội được quan sát, lấy điểm lần quan sát cao nhất.

**Phương pháp xử lý và phân tích số liệu.**

Nhập liệu bằng phần mềm Excel 2016 và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 26.0.

**Đạo đức.** Nghiên cứu được thông qua bởi Hội Đồng Đạo Đức Trong Nghiên Cứu Y Sinh Học của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 968/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 16 tháng 10 năm 2023.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Đặc điểm nhân khẩu học.** Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 31,26±4,60 tuổi, đa số là nữ (98,4%), độ tuổi từ 31-40 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất (60,5%), đa số có trình độ đại học (93%). Gần như toàn bộ điều dưỡng trong nghiên cứu đã được đào tạo và tập huấn kiến thức về phòng ngừa té ngã. Ngoài ra, 89,1% điều dưỡng có nhu cầu được cập nhật kiến thức. Có 15 điều dưỡng đã từng chăm sóc người bệnh té ngã chiếm 8,1%.

**Kiến thức phòng ngừa té ngã.** Hầu hết các nội dung kiến thức phòng ngừa té ngã có tỉ lệ trả lời đúng cao trên 80%. Điều dưỡng trong nghiên cứu hầu hết có kiến thức phòng ngừa té ngã mức đạt chiếm 97,8% với mốc điểm cắt 17; điểm trung bình là 27,75±4,08 điểm (Bảng 2).

**Bảng 2. Kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã (n=185)**

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Điểm số kiến thức về phòng ngừa té ngã	27,75±4,08	
Kiến thức về phòng ngừa té ngã		
Đạt (≥17 điểm)	181	97,8
Chưa đạt (<17 điểm)	4	2,2

**Thực hành phòng ngừa té ngã**

**Bảng 3. Tỉ lệ thực hành đạt về đánh giá nguy cơ và phòng ngừa té ngã của điều dưỡng trong nghiên cứu (n=185)**

Đặc điểm	Phân loại thực hành	
	Chưa đạt (<4)	Đạt (≥4)
Thực hành đánh giá nguy cơ té ngã	3 (1,6)	182 (98,4)
Thực hành can thiệp phòng ngừa té ngã	23 (12,4)	162 (87,6)

Thực hành chung về phòng ngừa té ngã	22 (11,9)	163 (88,1)
--------------------------------------	-----------	------------

**Bảng 4. Điểm thực hành đánh giá nguy cơ và phòng ngừa té ngã của điều dưỡng trong nghiên cứu (n=185)**

Đặc điểm	TB±ĐLC	p	KTC 95%
Thực hành đánh giá nguy cơ té ngã	4,49 ±0,29	< 0,001 <sup>a</sup>	4,45 - 4,54
Thực hành can thiệp phòng ngừa té ngã	4,30 ±0,51	< 0,001 <sup>a</sup>	4,22 - 4,37
Thực hành chung về phòng ngừa té ngã	4,39 ±0,38	< 0,001 <sup>a</sup>	4,33 - 4,44

<sup>a</sup>Kiểm định t một mẫu

Điều dưỡng trong nghiên cứu đa phần có điểm thực hành phòng ngừa té ngã ở mức đạt chiếm 88,1%. Điểm trung bình thực hành đánh giá nguy cơ và phòng ngừa té ngã của điều dưỡng trong nghiên cứu đều >4 điểm.

**Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã**

**Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã**

Đặc điểm	Thực hành		p	PR (KTC 95%)
	Chưa đạt	Đạt		
<b>Kiến thức</b>				
Chưa đạt	4(2,2)	0		1,00
Đạt	18 (9,7)	163 (88,1)	<0,001 <sup>b</sup>	10,06 (6,49-15,59)

<sup>b</sup>Kiểm định Chi Square; KTC: Khoảng tin cậy

Tỉ lệ kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã của điều dưỡng có mối tương quan thuận. Sự khác biệt giữa tỉ lệ điều dưỡng đạt và chưa đạt về phòng ngừa té ngã có ý nghĩa thống kê với p<0,001.

**Mối liên quan giữa kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã với các yếu tố.** Kết quả nghiên cứu cho thấy các đặc điểm nhân khẩu học khảo sát không có mối liên quan với kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã

**Bảng 6. Mối liên quan giữa kiến thức phòng ngừa té ngã với các đặc điểm liên quan đến đào tạo (n=185)**

Đặc điểm	Kiến thức		p	KTC 95%
	TB	ĐLC		
<b>Đào tạo/tập huấn kiến thức</b>				
Không	30,00	0	0,649 <sup>a</sup>	0
Có	27,74	4,08		27,15-28,33
<b>Đơn vị đã đào tạo/huấn luyện</b>				
Trường học	25,60	6,31		21,09-30,11
Bệnh viện	27,86	3,76	0,270 <sup>b</sup>	27,27-28,44
Điều dưỡng trưởng	28,07	5,38		25,09-31,05
<b>Nhu cầu cập nhật kiến thức</b>				
Không	26,59	2,82	0,011 <sup>a</sup>	25,34-27,84
Có	27,91	4,20		27,26-28,56

KTC: Khoảng tin cậy; <sup>a</sup>Mann Whitney;  
<sup>b</sup>Kruskal Wallis

**Bảng 7. Mối liên quan giữa thực hành chung về phòng ngừa té ngã với các đặc điểm liên quan đến đào tạo (n=185)**

Đặc điểm	Thực hành chung		P	KTC 95%
	TB	ĐLC		
<b>Đào tạo/tập huấn kiến thức</b>				
Không	4,87	0	0,054 <sup>a</sup>	0
Có	4,38	0,38		
<b>Đơn vị đã đào tạo/huấn luyện</b>				
Trường học	4,23	0,44	0,091 <sup>b</sup>	3,91-4,54
Bệnh viện	4,39	0,38		4,33-4,45
Điều dưỡng trưởng	4,50	0,33		4,32-4,68
<b>Nhu cầu cập nhật kiến thức</b>				
Không	4,13	0,37	<0,001 <sup>a</sup>	3,97-4,29
Có	4,42	0,37		4,36-4,48

KTC: Khoảng tin cậy; <sup>a</sup>Mann Whitney;  
<sup>b</sup>Kruskal Wallis

Nhu cầu cập nhật kiến thức của điều dưỡng trong nghiên cứu có mối liên quan đến điểm kiến thức và điểm trung bình thực hành phòng ngừa té ngã, những điều dưỡng có nhu cầu cập nhật kiến thức có điểm kiến thức và điểm thực hành cao hơn so với những điều dưỡng không có nhu cầu cập nhật kiến thức ( $p<0,05$ ).

#### IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu này cung cấp thêm dữ kiện cho y văn về kiến thức và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi đưa vào sử dụng, các công cụ đã được kiểm tra với độ tin cậy khá cao. Nội dung nghiên cứu đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã trong đơn vị y tế.

Phần lớn đối tượng trong nghiên cứu này thuộc nhóm tuổi từ 31-40 tuổi (60,5%), nữ giới cao hơn nam giới (98,4%) và có sự tương đồng với các nghiên cứu trước. Hầu hết đối tượng nghiên cứu đã được đào tạo về phòng ngừa té ngã (99,5%) và tới 89,1% điều dưỡng nói rằng họ có nhu cầu cập nhật kiến thức. Điều này cho thấy vấn đề phòng ngừa té ngã cho người bệnh ngày càng được chú trọng trong các cơ sở y tế và điều dưỡng ngày càng có cái nhìn đúng đắn hơn về an toàn người bệnh. Đa số có trình độ đại học (93%) phù hợp với định hướng chuẩn năng lực của khối Điều dưỡng, tiến tới trình độ đại học vào năm 2025.

Khảo sát kiến thức và thực hành chung của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã, nghiên cứu cho thấy điểm trung bình kiến thức phòng ngừa té ngã của đối tượng tham gia nghiên cứu là

27,75±4,08 điểm. Trong đó, điều dưỡng có kiến thức chung ở mức đạt chiếm 97,8% với mức điểm cắt là 17. Điều này cho thấy vấn đề té ngã và an toàn người bệnh ngày càng được chú trọng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình thực hành chung phòng ngừa té ngã là 4,39±0,38. Cụ thể, điều dưỡng thực hành chung về phòng ngừa té ngã ở mức đạt chiếm 88,1%. Trong đó, thực hành đánh giá nguy cơ té ngã đạt 98,4% nhưng thực hành can thiệp phòng ngừa té ngã chỉ 87,6%. Nghiên cứu của chúng tôi có điểm số trung bình về thực hành tương đương với nghiên cứu của Ganabathi 4,26±0,93<sup>7</sup> và cao hơn nghiên cứu của Lê Thị Ngọc Hạnh 3,47±0,48<sup>8</sup>. Khi so sánh với các nghiên cứu trên thì nghiên cứu của chúng tôi có điểm số trung bình về thực hành và tỉ lệ điều dưỡng thực hành phòng ngừa té ngã ở mức đạt cao hơn nghiên cứu trong và ngoài nước. Việc này có thể lý giải là do trên địa bàn nghiên cứu đã áp dụng bệnh án điện tử, phần thực hành đánh giá nguy cơ té ngã được thiết kế sẵn trang để điều dưỡng chọn các mức độ, phần mềm sẽ tự tính điểm và phân loại nguy cơ té ngã. Từ đó liên kết qua một trang kế tiếp được soạn sẵn các can thiệp phòng ngừa té ngã. Điều này giúp điều dưỡng hướng dẫn người bệnh phòng ngừa té ngã một cách đầy đủ. Tuy nhiên thực tế tỉ lệ điều dưỡng thực hành can thiệp phòng ngừa té ngã thấp hơn tỉ lệ đánh giá nguy cơ té ngã, điều này cần can thiệp và phối hợp để nâng cao hơn nữa tỉ lệ thực hành can thiệp phòng ngừa té ngã, từ đó nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.

Nghiên cứu cho thấy có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã với  $p<0,001$  và KTC 95% có chứa giá trị 1. Đối với các yếu tố liên quan, nghiên cứu tìm thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức, thực hành và nhu cầu cập nhật kiến thức. Những điều dưỡng có nhu cầu cập nhật kiến thức có điểm kiến thức và điểm thực hành về phòng ngừa té ngã cao hơn những điều dưỡng không có nhu cầu cập nhật kiến thức ( $p<0,05$ ).

#### V. KẾT LUẬN

Nhìn chung công tác phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước ngày càng được chú trọng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả áp dụng bệnh án điện tử vào thực hành đánh giá nguy cơ té ngã và can thiệp phòng ngừa té ngã. Cần thêm biện pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hơn nữa tỉ lệ thực hành can thiệp phòng ngừa té ngã cho người bệnh từ

đó hoàn thiện hơn nữa việc chăm sóc người bệnh an toàn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **De Souza AB, Röhsig V, Maestri RN, et al.** In hospital falls of a large hospital. BMC Research Notes. 2019;12(1):284. doi:10.1186/s13104-019-4318-9
2. **Hart LA, Phelan EA, Yi JY, Marcum ZA, Gray SL.** Use of Fall Risk-Increasing Drugs Around a Fall-Related Injury in Older Adults: A Systematic Review. J Am Geriatr Soc. 2020;68(6):1334-1343. doi:10.1111/jgs.16369
3. **Bộ Y tế.** Báo cáo chung tổng quan ngành y tế 2016. Hướng tới mục tiêu già hoá khoẻ mạnh ở Việt Nam. Nhà xuất bản Y học Hà Nội; 2018.
4. **Asiri F, ALMohiza MA, Faia Aseeri M, et al.** Fall prevention knowledge and practice patterns among home healthcare professionals in southern Saudi Arabia: an observational study. J Int Med Res. 2018;46(12):5062-5073. doi:10.1177/0300060518789816
5. **Le QT, Tran-Thi HG, Tran MK.** An Assessment of the Nurses' Knowledge and Practices of Inpatient Fall Prevention. int arch med. 2020;13. doi:10.3823/2622
6. **Thái Thị Thanh Huyền.** Kiến Thức, Thái Độ và Thực Hành Phòng Ngã Của Điều Dưỡng Tại Bệnh Viện Hữu Nghị. Nhà xuất bản Y học Hà Nội; 2022.
7. **Ganabathi M, Mariappan U, Mustafa H.** Nurses' Knowledge, Attitude and Practices on Fall Prevention in King Abdul Aziz Hospital, Kingdom of Saudi Arabia. Nur Primary Care. 2017;1(7):1-6. doi:10.33425/2639-9474.1045
8. **Hạnh LTN, Trung VN, Nga VTT, Thủy VT, Hòa ĐTK, Phước lth.** Kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh trước phẫu thuật. Published online 2022.

## ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG GIẢM BÉO PHÌ CỦA CAO LÁ VÀ CAO HOA TRÀ HOA VÀNG (CAMELLIA FLAVA (PITARD) SEALY) TRÊN MÔ HÌNH BÉO PHÌ TRÊN CHUỘT NHẮT TRẮNG BẰNG CHẾ ĐỘ ĂN GIÀU BÉO

Nguyễn Hữu Lạc Thủy<sup>1</sup>, Khuru Minh Hiền<sup>1</sup>, Nguyễn Hào Khang<sup>1</sup>,  
Trương Minh Nhật<sup>1</sup>, Nguyễn Thanh Bình<sup>2,3</sup>, Mai Huỳnh Như<sup>1</sup>

#### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Nghiên cứu tác dụng giảm béo phì của cao lá và cao hoa trà hoa vàng (*Camellia flava*) trên mô hình béo phì ở chuột nhắt trắng bằng chế độ ăn giàu béo. **Phương pháp nghiên cứu:** Cao đặc được chiết xuất từ lá và hoa trà hoa vàng (THV) *Camellia flava* (Pitard) Sealy, họ Trà (Theaceae) cung cấp bởi công ty CPĐTTM Trường Dương. Tác dụng giảm béo phì của cao lá và cao hoa THV được khảo sát trên mô hình chuột nhắt trắng gây béo phì bằng chế độ ăn giàu béo. Các chuột được cho ăn chế độ giàu béo (40% béo) trong 2 tháng. Sau 2 tháng, chọn chuột có trọng lượng  $\geq 40\%$  cân nặng so với nhóm chứng với chế độ ăn tiêu chuẩn được chia ngẫu nhiên vào 5 nhóm bao gồm: nhóm sinh lý, nhóm béo phì (HFD), nhóm chứng dương (orlistat) và 2 nhóm điều trị với các liều 1 (g/kg) cao lá THV và 0,1 (g/kg) cao hoa THV. **Kết quả:** Các nhóm chuột uống cao lá và cao hoa THV cho tác dụng giảm béo phì có ý nghĩa thống kê đồng thời cải thiện các chỉ số lipid huyết và mô học gan. **Kết luận:** Cao chiết lá và hoa THV *Camellia flava* có tác dụng giảm béo phì trên chuột nhắt trắng được gây béo phì bằng chế độ ăn giàu béo.

**Từ khóa:** béo phì, trà hoa vàng *Camellia flava*,

chế độ ăn giàu béo, chuột nhắt trắng, giảm cân.

#### SUMMARY

#### EVALUATE THE AMELIORATIVE EFFECT OF CAMELLIA FLAVA LEAF AND FLOWER EXTRACT ON HIGH-FAT DIET-INDUCED OBESITY ON SWISS ALBINO MICE

**Objectives:** Evaluating the anti-obesity effect of *Camellia flava* leaf and flower extract on high-fat diet-induced obesity in Swiss albino mice. **Methods:** Concentrated extracts from the leaf and flower of *Camellia flava* (Pitard) Sealy, Theaceae, were provided by Truong Duong Trading Investment Joint Stock Company. The ability of leaf and flower extracts to alleviate obesity induced by a high-fat diet (HFD) was studied using Swiss albino mice. After 2 months of being fed a higher fat content diet (40%), mice with the body weight 40% higher than their control counterparts receiving a standard diet of less than 5% lipid were divided into 5 groups, including control, HFD group, orlistat group, and 2 treatment groups receiving *Camellia flava* leaf extract of 1 g/kg and flower extract of 0,1 g/kg. **Results:** Groups of mice treated with both extracts exhibited a reduction of obesity along with improvements of blood lipid and liver histology. **Conclusion:** The leaf and flower extract have an anti-obesity effect on high-fat diet-induced obesity in Swiss albino mice.

**Keywords:** obesity, *Camellia flava*, high-fat diet, Swiss albino mice, weight loss.

#### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới

<sup>1</sup>Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

<sup>3</sup>Đại học Thủ Dầu Một

Chịu trách nhiệm chính: Mai Huỳnh Như

Email: mnhnu@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 01.8.2024

Ngày phản biện khoa học: 10.9.2024

Ngày duyệt bài: 7.10.2024